

Bản dịch tiếng Việt cho Luật Dịch vụ Việc làm (就業服務法):

LUẬT DỊCH VỤ VIỆC LÀM

Tên văn bản: Luật Dịch vụ Việc làm

Ngày sửa đổi: Ngày 20 tháng 01 năm Dân Quốc thứ 114 (Năm 2025)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Luật này được ban hành nhằm thúc đẩy việc làm cho công dân, góp phần phát triển kinh tế và xã hội; những vấn đề Luật này không quy định thì áp dụng quy định của các luật khác.

Điều 2

Các thuật ngữ trong Luật này được hiểu như sau:

- Dịch vụ việc làm:** Là các dịch vụ được cung cấp nhằm hỗ trợ công dân tìm việc làm và hỗ trợ người sử dụng lao động tuyển dụng nhân viên.
- Cơ quan dịch vụ việc làm:** Là cơ quan cung cấp dịch vụ việc làm; cơ quan do cơ quan chính phủ thành lập là *Cơ quan dịch vụ việc làm công lập*; cơ quan do cá nhân hoặc đoàn thể ngoài chính phủ thành lập là *Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân*.
- Người sử dụng lao động:** Là người thuê, tuyển dụng nhân viên để làm việc.
- Người trung niên và người cao tuổi:** Là công dân đủ từ 45 tuổi đến 65 tuổi.
- Người thất nghiệp dài hạn:** Là người thất nghiệp liên tục từ 1 năm trở lên, đồng thời trong vòng 3 năm trước ngày làm thủ tục cắt bảo hiểm lao động có tổng thời gian tham gia bảo hiểm đủ từ 6 tháng trở lên, và trong vòng 1 tháng gần nhất đã đăng ký tìm việc tại cơ quan dịch vụ việc làm công lập.

Điều 3

Công dân có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, các trường hợp bị pháp luật cấm hoặc hạn chế thì không áp dụng quy định này.

Điều 4

Công dân có năng lực lao động đều bình đẳng trong việc tiếp nhận dịch vụ việc làm.

Điều 5

1. Nhằm bảo đảm cơ hội việc làm bình đẳng cho công dân, người sử dụng lao động không được phân biệt đối xử với người tìm việc hoặc người lao động được tuyển dụng vì lý do chủng tộc, giai cấp, ngôn ngữ, tư tưởng, tôn giáo, đảng phái, quê quán, nơi sinh, giới tính, xu hướng tính dục, tuổi tác, hôn nhân, diện mạo, ngũ quan, khuyết tật thể chất/tinh thần, cung hoàng đạo, nhóm máu hoặc thân phận thành viên công đoàn trước đây. Trường hợp luật khác có quy định rõ ràng thì thực hiện theo quy định đó.
2. Người sử dụng lao động khi tuyển dụng hoặc sử dụng lao động không được thực hiện các hành vi sau:
 1. Quảng cáo hoặc thông báo sai sự thật.
 2. Trái với ý muốn của người tìm việc hoặc người lao động mà giữ lại chứng minh thư nhân dân, chứng chỉ làm việc hoặc các giấy tờ chứng minh khác, hoặc yêu cầu cung cấp thông tin riêng tư không liên quan đến nhu cầu việc làm.
 3. Tạm giữ tài sản của người tìm việc hoặc người lao động, hoặc thu tiền ký quỹ.
 4. Giao cho người tìm việc hoặc người lao động làm công việc vi phạm trật tự công cộng hoặc thuần phong mỹ tục.
 5. Cung cấp thông tin hoặc mẫu xét nghiệm kiểm tra sức khỏe sai sự thật khi làm thủ tục xin cấp phép, tuyển dụng, đưa vào hoặc quản lý người nước ngoài.
 6. Cung cấp vị trí việc làm có mức lương thường xuyên chưa đạt 40.000 Tân Đài tệ (NTD) mà không công khai hoặc không thông báo rõ khoảng lương.

Điều 6

1. Cơ quan quản lý nhà nước được nói đến trong Luật này: Ở trung ương là Bộ Lao động; ở thành phố trực thuộc trung ương là Chính quyền thành phố trực thuộc trung ương; ở huyện (thành phố) là Chính quyền huyện (thành phố).
2. Cơ quan quản lý trung ương phải phối hợp với Ủy ban Các dân tộc Nguyên sinh thực hiện các công việc dịch vụ việc làm liên quan cho người dân tộc nguyên sinh.
3. Cơ quan quản lý trung ương phụ trách các công việc sau:
 1. Xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch và phương án việc làm cho công dân trên phạm vi toàn quốc.
 2. Cung cấp thông tin thị trường lao động toàn quốc.
 3. Định ra tiêu chuẩn thao tác nghiệp vụ dịch vụ việc làm.

4. **Đốc thúc, điề u phối và kiểm tra đánh giá nghiệp vụ dịch vụ việc làm trên toàn quốc.**
5. **Cấp phép và quản lý việc người sử dụng lao động xin tuyển dụng người nước ngoài.**
6. **Cấp phép, tạm ngừng hoạt động và thu hồi giấy phép đối với các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân kinh doanh dịch vụ môi giới sau:**
 1. **Môi giới người nước ngoài vào làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan).**
 2. **Môi giới cư dân Hồng Kông, Ma Cao, người dân khu vực Đại Lục vào làm việc tại khu vực Đài Loan.**
 3. **Môi giới người trong nước đi làm việc ở ngoài khu vực Đài Loan.**
7. **Các công việc khác liên quan đ ể n dịch vụ việc làm cho công dân và thúc đẩy việc làm mang tính toàn quốc.**
4. **Cơ quan quản lý cấp thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thành phố) phụ trách các công việc sau:**
 1. **Thẩm định tính chất phân biệt đối xử trong việc làm.**
 2. **Quản lý và kiểm tra việc làm của người nước ngoài trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.**
 3. **Cấp phép, tạm ngừng hoạt động và thu hồi giấy phép đối với cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân môi giới người trong nước làm việc trong nước.**
 4. **Quản lý các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân ngoài đối tượng quy định tại khoản 6 khoản 3 điề u này và điểm trên.**
 5. **Các công việc phối hợp khác liên quan đ ể n dịch vụ việc làm cho công dân.**

Điề u 7

1. **Cơ quan quản lý có thể mời các đại diện từ phía người lao động, người sử dụng lao động, cơ quan chính phủ cùng các chuyên gia học giả để nghiên cứu, tư vấn v ề các vấn đ ề liên quan đ ể n dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm; trong đó đại diện của người lao động, người sử dụng lao động và chuyên gia học giả không đ ược ít hơn 1/2.**
2. **Đại diện đơn giới tính trong khoản trên không đ ược ít hơn 1/3.**

Điề u 8

Để nâng cao ki ể n thức chuyên môn và hiệu quả công việc của nhân viên dịch vụ việc làm, cơ quan quản lý phải định kỳ tổ chức đào tạo tại chức.

Đi ề u 9

Cơ quan dịch vụ việc làm và nhân viên của cơ quan đó không được công khai thông tin của người sử dụng lao động và người tìm việc ra bên ngoài, trừ trường hợp cần thiết cho việc giới thiệu việc làm

Đi ề u 10

1. Trong thời gian đình công hợp pháp, hoặc trong thời gian hòa giải tranh chấp lao động liên quan đến quyền lợi của đa số người lao động do chấm dứt hợp đồng lao động, cơ quan dịch vụ việc làm không được giới thiệu người tìm việc đến làm việc tại nơi đang xảy ra đình công hoặc tranh chấp lao động đó.
2. "Đa số người lao động" quy định tại khoản trên là chỉ số lượng người lao động liên quan đến tranh chấp tại đơn vị sử dụng lao động đạt từ 10 người trở lên, hoặc dù chưa tới 10 người nhưng chiếm từ 1/3 tổng số nhân viên trở lên tại nơi xảy ra tranh chấp đó.

Đi ề u 11

1. Cơ quan quản lý phải khen thưởng và tuyên dương đối với những cá nhân, tập thể có đóng góp xuất sắc trong việc thúc đẩy việc làm cho công dân.
2. Điều kiện, hạng mục, hình thức khen thưởng, tuyên dương và các quy định cần tuân thủ khác sẽ do cơ quan quản lý trung ương định ra.

CHƯƠNG II: DỊCH VỤ VIỆC LÀM CỦA CHÍNH PHỦ

Đi ề u 12

1. Tùy theo nhu cầu nghiệp vụ, cơ quan quản lý có thể thành lập các cơ quan dịch vụ việc làm công lập tại các địa phương.
2. Tại các thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thành phố) có dân số người dân tộc nguyên sinh đạt từ 20.000 người trở lên, có thể thành lập cơ quan dịch vụ việc làm công lập dành riêng cho người dân tộc nguyên sinh nhằm đáp ứng văn hóa đặc thù của họ.
3. Tiêu chuẩn thành lập cơ quan dịch vụ việc làm công lập nêu tại hai khoản trên do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Đi ề u 13

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập thực hiện dịch vụ việc làm theo nguyên tắc miễn phí. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh do nhận ủy thác của người sử dụng lao động để tổ chức thi tuyển nhân tài thì có thể thu từ người sử dụng lao động.

Điều 14

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập không được từ chối việc đăng ký tìm việc, tuyển dụng của người tìm việc và người sử dụng lao động. Tuy nhiên, trường hợp hồ sơ đăng ký vi phạm pháp luật hoặc từ chối cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho việc giới thiệu việc làm thì không thuộc giới hạn này.

Điều 15

(Đã hủy bỏ)

Điều 16

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải thu thập, sắp xếp, phân tích các thông tin như bí ẩn động cơ n lương, cung cầu nhân lực và triển vọng tương lai trong khu vực phụ trách để cung cấp thông tin thị trường việc làm.

Điều 17

1. Cơ quan dịch vụ việc làm công lập trước tiên phải cung cấp tư vấn việc làm cho người tìm việc, sau đó dựa trên kết quả tư vấn việc làm hoặc đánh giá hướng nghiệp để giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, sát hạch kỹ năng, hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển tuyển hoặc xác nhận thất nghiệp và chuyển xin cấp tiền trợ cấp thất nghiệp.
2. Các hạng mục và nội dung dịch vụ nêu tại khoản trên phải được lập thành hồ sơ lưu trữ.
3. Quy định về tư vấn việc làm, hướng nghiệp và các vấn đề liên quan khác nêu tại khoản 1 sẽ do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Điều 18

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải giữ liên lạc chặt chẽ với các trường học trong khu vực phụ trách, hỗ trợ nhà trường thực hiện công tác hướng nghiệp cho học sinh, phối hợp giới thiệu học sinh tốt nghiệp đi làm hoặc tham gia đào tạo nghề và hỗ trợ sau khi có việc làm.

Điều 19

Để hỗ trợ những người tìm việc thiếu kỹ năng làm việc, cơ quan dịch vụ việc làm công lập có thể giới thiệu họ tham gia đào tạo nghề; đối với người đã hoàn thành khóa đào tạo nghề, phải hỗ trợ giới thiệu việc làm cho họ.

Đi ề u 20

Đối với người đăng ký xin hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Bảo hiểm Việc làm, cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải giới thiệu việc làm hoặc giới thiệu tham gia đào tạo nghề ề cho họ.

CHƯƠNG III: THỨC ĐẨY VIỆC LÀM

Đi ề u 21

Chính phủ phải căn cứ vào dữ liệu đi ề u tra liên quan đ ể n tình hình việc làm và thất nghiệp để đ ề ra các biện pháp đi ề u ti ể t cung cầu nhân lực, thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và việc làm của công dân.

Đi ề u 22

Để thúc đẩy cân bằng cung cầu nhân lực giữa các khu vực và phối hợp thực hiện việc trả trợ cấp thất nghiệp của bảo hiểm việc làm, cơ quan quản lý trung ương phải xây dựng mạng thông tin việc làm toàn quốc.

Đi ề u 23

1. Khi kinh t ế suy thoái dẫn đ ể n thất nghiệp hàng loạt, cơ quan quản lý trung ương có thể khuyến ể n khích người sử dụng lao động thương lượng với công đoàn hoặc người lao động để giảm giờ làm, đi ề u chỉnh lương, tổ chức đào tạo giáo dục... nhằm tránh sa thải nhân viên; đồng thời tùy theo nhu cầu thực t ế , tăng cường thực hiện đào tạo nghề ề hoặc áp dụng các biện pháp hỗ trợ như tạo cơ hội việc làm tạm thời, cấp bù lãi suất vay vốn khởi nghiệp; khi cần thi ể t phải phát các khoản trợ cấp hoặc ti ề n hỗ trợ để thúc đẩy việc làm.
2. Đi ề u kiện, hạng mục, hình thức, thời hạn, nguồn kinh phí và các quy định cần tuân thủ khác đối với khoản cấp bù lãi suất, trợ cấp và ti ề n hỗ trợ nêu tại khoản trên do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Đi ề u 24

1. Cơ quan quản lý phải lập kế hoạch nhằm nỗ lực thúc đẩy việc làm cho các đối tượng tự nguyện làm việc sau đây; khi cần thi ể t có thể phát ti ề n trợ cấp hoặc ti ề n hỗ trợ:
 - o Người độc lập gánh vác kinh t ế gia đình.
 - o Người trung niên và người cao tuổi.
 - o Người khuyết t tật thể chất hoặc tinh thần.
 - o Người dân tộc nguyên sinh.

- Người có năng lực lao động thuộc hộ nghèo (thu nhập thấp) hoặc hộ cận nghèo (thu nhập trung bình thấp).
 - Người thất nghiệp dài hạn.
 - Phụ nữ tái gia nhập thị trường lao động (lần hai).
 - Nạn nhân của bạo lực gia đình.
 - Người được bảo vệ tái hòa nhập cộng đồng (người chấp hành xong án phạt tù...).
 - Các đối tượng khác do cơ quan quản lý trung ương xét thấy cần thí nghiệm.
2. Các kế hoạch nêu tại khoản trên phải được định kỳ đánh giá lại để đảm bảo tính hiệu quả.
 3. Cơ quan quản lý phải cung cấp các biện pháp hỗ trợ liên quan cho những người có chứng chỉ nhân viên chăm sóc và tự nguyện làm việc.
 4. Điều kiện xin, số tiền, thời hạn, nguồn kinh phí và các quy định liên quan khác đối với khoản trợ cấp hoặc tiền hỗ trợ tại khoản 1 sẽ do cơ quan quản lý định ra.

Điều 25

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải chủ động tìm kiếm các cơ hội việc làm phù hợp cho người khuyết tật và người trung/cao tuổi, đồng thời định kỳ công bố.

Điều 26

Để hỗ trợ người độc lập gánh vác gia đình hoặc phụ nữ nghỉ việc do mang thai, sinh con, chăm con quay lại làm việc, cơ quan quản lý phải tổ chức các khóa đào tạo nghề tùy theo nhu cầu thực tế.

Điều 27

Để hỗ trợ người khuyết tật và người dân tộc nguyên sinh thích nghi với môi trường làm việc, cơ quan quản lý phải thực hiện đào tạo thích nghi tùy theo nhu cầu thực tế.

Điều 28

Sau khi giới thiệu việc làm cho người khuyết tật và người dân tộc nguyên sinh, cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải tiến hành phỏng vấn theo dõi để hỗ trợ họ thích nghi với công việc.

Điều 29

1. Cơ quan quản lý cấp thành phố trực thuộc trung ương và huyện (thành phố) phải lập danh sách những người có khả năng lao động thuộc hộ nghèo và cận nghèo trong địa bàn gửi để cơ quan dịch vụ việc làm công lập địa phương để giới thiệu việc làm hoặc đào tạo nghề.

2. Đối với người tìm việc thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc nạn nhân bạo lực gia đình có khả năng lao động do cơ quan công lập giới thiệu, chi phí đi lại phục vụ cho việc phỏng vấn xin việc có thể được hỗ trợ một phần.

Điều 30

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải liên lạc chặt chẽ với cơ quan giải ngũ/mghĩa vụ quân sự địa phương để hỗ trợ giới thiệu người xuất ngũ tìm việc làm hoặc tham gia đào tạo nghề.

Điều 31

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải liên lạc chặt chẽ với Hội Bảo vệ Tái hòa nhập Cộng đồng để hỗ trợ giới thiệu những người được bảo vệ tìm việc làm hoặc tham gia đào tạo nghề.

Điều 32

1. Để thúc đẩy việc làm cho công dân, cơ quan quản lý phải lập ngân sách hàng năm và thực hiện các biện pháp theo thẩm quyền quy định tại Luật này.
2. Cơ quan quản lý trung ương có thể căn cứ vào tình hình tài chính thực tế của cơ quan quản lý thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thành phố) để cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 33

1. Khi người sử dụng lao động cho nhân viên thôi việc (sa thải kinh tế /資遣), phải thông báo danh sách gồm họ tên, giới tính, tuổi tác, địa chỉ, số điện thoại, vị trí công việc, lý do cho thôi việc và có cần hỗ trợ việc làm hay không... tới cơ quan quản lý địa phương và cơ quan dịch vụ việc làm công lập trước 10 ngày so với ngày nhân viên chính thức nghỉ việc. Trường hợp cho thôi việc do thiên tai, sự cố hoặc bất khả kháng thì phải thông báo trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhân viên nghỉ việc.
2. Sau khi nhận được thông báo, cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải căn cứ vào nguyện vọng, năng lực của người bị cho thôi việc để hỗ trợ họ tái tuyển dụng.

Điều 33-1

Cơ quan quản lý trung ương có thể ủy quyền cho cơ quan dịch vụ việc làm hoặc cơ quan đào tạo nghề trực thuộc, ủy thác cho cơ quan quản lý cấp thành phố/huyện, hoặc ủy nhiệm cho các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các nghiệp vụ dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm do Luật này quy định.

CHƯƠNG IV: DỊCH VỤ VIỆC LÀM TƯ NHÂN

Điều 34

1. Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân và các chi nhánh phải nộp đơn xin phép thành lập lên cơ quan quản lý, sau khi được cấp giấy phép mới được kinh doanh dịch vụ việc làm; giấy phép này phải được gia hạn/đổi định kỳ.
2. Không được kinh doanh dịch vụ việc làm nếu chưa được cấp phép. Tuy nhiên, các trường học, cơ quan đào tạo nghề được thành lập hợp pháp hoặc các cơ quan/tổ chức nhận ủy thác của chính phủ thực hiện đào tạo, dịch vụ việc làm mà làm thủ tục dịch vụ việc làm miễn phí cho học sinh tốt nghiệp, học viên hoàn thành khóa học hoặc người tìm việc thì không thuộc giới hạn này.
3. Điều kiện, thời hạn cấp phép thành lập, việc thu hồi giấy phép, gia hạn giấy phép và các quy định quản lý khác đối với cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân và chi nhánh sẽ do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Điều 35

1. Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân được kinh doanh các nghiệp vụ dịch vụ việc làm sau:
 - o Giới thiệu nghề nghiệp hoặc môi giới nhân lực.
 - o Nhận ủy thác tuyển dụng nhân viên.
 - o Tư vấn việc làm hoặc trắc nghiệm tâm lý nghề nghiệp hỗ trợ công dân lập kế hoạch phát triển sự nghiệp.
 - o Các nội dung dịch vụ việc làm khác do cơ quan quản lý trung ương chỉ định.
2. Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân kinh doanh các nghiệp vụ trên được thu phí; các hạng mục và số tiền thu phí do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Điều 36

1. Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân phải bố trí nhân viên chuyên môn về dịch vụ việc làm đạt đủ điều kiện và số lượng theo quy định.
2. Điều kiện và số lượng nhân viên chuyên môn nêu tại khoản trên được quy định trong Biện pháp Cấp phép và Quản lý Cơ quan Dịch vụ Việc làm Tư nhân.

Điều 37

Nhân viên chuyên môn về dịch vụ việc làm không được có các hành vi sau:

1. Cho phép người khác mượn danh nghĩa của mình để kinh doanh dịch vụ việc làm.
2. Thực hiện nghiệp vụ vi phạm pháp luật.

Đi ề u 38

Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân thực hiện các nghiệp vụ môi giới sau đây phải được tổ chức dưới hình thức công ty. Tuy nhiên, các tổ chức/đoàn thể phi lợi nhuận do cơ quan quản lý trung ương thành lập, hoặc được cơ quan quản lý trung ương cấp phép, chỉ định, ủy nhiệm thì không thuộc giới hạn này

1. Môi giới người nước ngoài vào làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.
2. Môi giới cư dân Hồng Kông, Ma Cao, người dân khu vực Đại Lục vào làm việc tại khu vực Đài Loan.
3. Môi giới người trong nước đi làm việc ở ngoài khu vực Đài Loan.

Đi ề u 39

Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân phải lập và lưu trữ các hồ sơ văn bản theo quy định, khi cơ quan quản lý kiểm tra không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối.

Đi ề u 40

1. Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân và nhân viên làm việc tại đó khi kinh doanh dịch vụ việc làm không được thực hiện các hành vi sau:
 1. Môi giới mà không ký hợp đồng bằng văn bản với người sử dụng lao động hoặc người tìm việc theo quy định.
 2. Quảng cáo hoặc thông báo sai sự thật hoặc vi phạm quy định tại khoản 1 Đi ề u 5.
 3. Trái với ý muốn của người tìm việc mà giữ lại chứng minh thư nhân dân, chứng chỉ làm việc hoặc giấy tờ chứng minh khác.
 4. Tạm giữ tài sản của người tìm việc hoặc thu tiền ký quỹ giới thiệu việc làm.
 5. Yêu cầu, hứa hẹn hoặc nhận các khoản phí vượt quá tiêu chuẩn quy định, hoặc các lợi ích bất chính khác.
 6. Mưu cầu, hứa hẹn hoặc đưa lợi ích bất chính.
 7. Môi giới người tìm việc làm các công việc vi phạm trật tự công cộng hoặc thuần phong mỹ tục.
 8. Nhận ủy thác làm thủ tục xin phép, tuyển dụng, đưa vào hoặc quản lý người lao động nước ngoài mà cung cấp thông tin hoặc mẫu xét nghiệm kiểm tra sức khỏe sai sự thật.

9. Có hành vi đe dọa, lừa đảo, chiếm đoạt hoặc lạm dụng niềm tin (bộ tín) trong kinh doanh dịch vụ việc làm.
 10. Trái ý muốn của người sử dụng lao động hoặc người lao động mà giữ lại giấy phép, giấy tờ thân nhân hoặc các văn bản liên quan khác.
 11. Không điề n hoặc điề n sai sự thật các báo cáo theo quy định của cơ quan quản lý.
 12. Không làm thủ tục đăng ký thay đổi, khai báo tạm ngừng hoạt động hoặc đổi/cấp lại giấy phép theo quy định.
 13. Không niêm yết giấy phép cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân, bảng kê chi tiết hạng mục và số tiền thu phí, chứng chỉ nhân viên chuyên môn theo quy định.
 14. Dù đang trong thời gian bị cơ quan quản lý xử phạt đình chỉ kinh doanh nhưng vẫn tự ý tiếp tục kinh doanh.
 15. Thực hiện dịch vụ việc làm không tròn trách nhiệm được ủy thác, dẫn đến người sử dụng lao động vi phạm Luật này hoặc các mệnh lệnh ban hành theo Luật này, hoặc làm tổn hại đến quyền lợi của người lao động.
 16. Cho thuê, mượn hoặc cho thuê/mượn lại giấy phép cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân hoặc chứng chỉ nhân viên chuyên môn.
 17. Nhận ủy thác đưa người lao động nước ngoài vào nước nhưng trong vòng 3 tháng xảy ra tình trạng bỏ trốn (mất liên lạc), và trong vòng 1 năm đạt số lượng và tỷ lệ nhất định.
 18. Có hành vi xâm hại tình dục, mua bán người, xâm phạm tự do, gây thương tích nặng hoặc giết người đối với người tìm việc hoặc người lao động nước ngoài được tuyển dụng.
 19. Bị giết người lao động nước ngoài nghi bị người sử dụng lao động, người được chăm sóc, người thân chung sống khác, đại diện/người chịu trách nhiệm của người sử dụng lao động có hành vi xâm hại tình dục, mua bán người, xâm phạm tự do, gây thương tích nặng hoặc giết người mà không thông báo cho cơ quan quản lý, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan cảnh sát hoặc cơ quan tư pháp khác trong vòng 24 giờ.
 20. Các hành vi vi phạm khác đối với Luật này hoặc lệnh ban hành theo Luật này.
2. Số lượng người, tỷ lệ và phương thức kiểm tra quy định tại điểm 17 khoản trên do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Tổ chức/cá nhân nhận ủy thác đăng hoặc truyền phát quảng cáo tuyển dụng phải lưu giữ thông tin của bên ủy thác (họ tên/tên đơn vị, địa chỉ, số điện thoại, số CMND/mã số doanh nghiệp) trong 2 tháng kể từ ngày đăng quảng cáo, và không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối khi cơ quan quản lý kiểm tra.

CHƯƠNG V: TUYỂN DỤNG VÀ QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 42

Nhằm bảo vệ quyền làm việc của công dân, việc tuyển dụng người nước ngoài làm việc không được làm ảnh hưởng đến cơ hội việc làm, điều kiện lao động của người trong nước, sự phát triển kinh tế quốc dân và ổn định xã hội.

Điều 43

Trừ trường hợp Luật này có quy định khác, người nước ngoài chưa qua thủ tục xin phép của người sử dụng lao động thì không được làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.

Điều 44

Bất kỳ ai cũng không được chứa chấp trái phép người nước ngoài làm việc.

Điều 45

Bất kỳ ai cũng không được môi giới trái phép người nước ngoài làm việc cho người khác.

Điều 46

- Công việc mà người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, trừ trường hợp Luật này có quy định khác, chỉ giới hạn trong các hạng mục sau:
 - Công việc chuyên môn hoặc kỹ thuật.
 - Bổ nhiệm làm quản lý doanh nghiệp do Điều 6 hoặc người nước ngoài được chính phủ phê duyệt đầu tư hoặc thành lập.
 - Giáo viên tại các trường học sau:
 - Giáo viên trường đại học/cao đẳng công lập hoặc tư lập đã đăng ký, hoặc trường dành cho kiều dân nước ngoài.
 - Giáo viên dạy chương trình ngoại ngữ đạt chuẩn tại các trường trung học trở xuống thuộc công lập hoặc tư lập đã đăng ký.

3. Giáo viên dạy môn học tại bộ phận song ngữ của trường trung học thực nghiệm công/tư lập hoặc trường song ngữ.
 - Giáo viên cơ hữu tại các cơ sở luyện thi ngắn hạn (bổ tập ban) thành lập theo Luật Giáo dục Bổ túc và Ti ết thân.
 - Huấn luyện viên và vận động viên thể thao.
 - Công việc tôn giáo, nghệ thuật và biểu diễn.
 - Thuyền viên trên tàu thương mại, tàu công trình và các tàu thuyền khác được Bộ Giao thông cấp phép đặc biệt.
 - Công việc đánh bắt hải sản (ngư nghiệp).
 - Giúp việc gia đình, khán hộ công tại cơ sở chăm sóc và khán hộ công gia đình.
 - Công việc do cơ quan quản lý trung ương chỉ định nhằm đáp ứng nhu cầu công trình xây dựng quan trọng quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội.
 - Công việc khác do tính chất đặc thù, trong nước thi ết nhân tài, nghiệp vụ thực sự có nhu cầu tuyển dụng người nước ngoài và đã được cơ quan quản lý trung ương duyệt theo chuyên án.
2. Tiêu chuẩn thẩm định và đi ết u kiện tư cách làm việc của người nước ngoài làm các công việc nêu tại khoản trên, trừ trường hợp luật khác có quy định, do cơ quan quản lý trung ương thống nhất với cơ quan quản lý chuyên ngành trung ương định ra. Tuy nhiên, với khán hộ công gia đình tại điểm 9 khoản 1, n ết u người được chăm sóc là người dân tộc nguyên sinh thì phương thức đánh giá và xác nhận do Bộ Y tế Phúc lợi phối hợp Ủy ban Các dân tộc Nguyên sinh định ra.
3. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài theo điểm 8 đ ết n điểm 10 khoản 1 phải ký hợp đồng lao động bằng văn bản và giới hạn là hợp đồng xác định thời hạn; trường hợp không ghi thời hạn thì thời hạn của giấy phép tuyển dụng là thời hạn của hợp đồng lao động. Khi gia hạn hợp đồng cũng áp dụng quy định này.
4. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm khán hộ công gia đình, n ết u người được chăm sóc từ đủ 80 tuổi trở lên, hoặc từ 70 đ ết n 79 tuổi mắc bệnh ung thư giai đoạn 2 trở lên thì được miễn qua đánh giá chuyên môn của cơ sở y tế .

Đi ết u 47

1. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc từ điểm 8 đ ết n điểm 11 khoản 1 Đi ết u trước, trước tiên phải ti ết n hành tuyển dụng trong nước với các đi ết u kiện lao động hợp lý, chỉ khi tuyển dụng không

đáp ứng đủ nhu cầu mới được nộp đơn xin tuyển số lượng còn thiếu; đồng thời khi tuyển dụng phải thông báo toàn bộ nội dung tuyển dụng cho công đoàn hoặc người lao động của đơn vị, và niêm yết tại nơi dự kiến làm việc của người nước ngoài.

2. Khi tuyển dụng trong nước theo khoản trên, người sử dụng lao động không được từ chối người tìm việc do cơ quan dịch vụ việc làm công lập giới thiệu nếu không có lý do chính đáng.

Điều 48

1. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm việc phải nộp đủ giấy tờ liên quan xin cấp phép tại cơ quan quản lý trung ương. Tuy nhiên, thuộc một trong các trường hợp sau thì không cần xin cấp phép:
 - Các cấp chính phủ và cơ quan nghiên cứu học thuật trực thuộc mời người nước ngoài làm cố vấn hoặc công tác nghiên cứu.
 - Người nước ngoài kết hôn với công dân có hộ khẩu tại Trung Hoa Dân Quốc và đã được phép cư trú.
 - Người nước ngoài được tuyển dụng giảng dạy, nghiên cứu học thuật tại các trường đại học công lập hoặc tư lập đã đăng ký và được Bộ Giáo dục công nhận.
2. Quy định về việc xin cấp phép, thu hồi phép và các quản lý tuyển dụng liên quan nêu tại khoản trên do cơ quan quản lý trung ương phối hợp cơ quan quản lý chuyên ngành định ra.
3. Biện pháp quản lý kiểm tra sức khỏe trước và sau khi nhập cảnh của người lao động nước ngoài do cơ quan quản lý y tế trung ương phối hợp cơ quan quản lý trung ương định ra.
4. Việc kiểm tra sức khỏe sau khi nhập cảnh nêu tại khoản trên do các bệnh viện được cơ quan quản lý y tế trung ương chỉ định thực hiện; điều kiện tư cách, chỉ định, thu hồi chỉ định... do cơ quan quản lý y tế trung ương định ra.
5. Người lao động nước ngoài kiểm tra sức khỏe không đạt tiêu chuẩn và bị lệnh phải xuất cảnh thì người sử dụng lao động phải đôn đốc người đó xuất cảnh ngay.
6. Cơ quan quản lý trung ương có thể quy định về quốc tịch và số lượng đối với người nước ngoài làm các công việc từ điểm 8 đến điểm 11 khoản 1 Điều 46.

Điều 48-1

1. Người sử dụng lao động trong nước trước khi lần đầu tiên tuyển dụng người nước ngoài làm khán hộ công gia đình hoặc giúp việc gia đình phải tham gia khóa giảng giải trước tuyển dụng do cơ quan quản lý hoặc tổ chức phi lợi nhuận được ủy thác tổ chức, và phải nộp kèm giấy chứng nhận đã tham gia khóa học khi nộp đơn xin cấp phép.
2. Đối tượng, nội dung, hình thức thực hiện, điều kiện tư cách đơn vị nhận ủy thác và các quy định cần tuân thủ khác đối với khóa học trên do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Điều 49

Đại sứ quán, lãnh sự quán các nước tại Đài Loan, các cơ quan nước ngoài tại Đài Loan, các tổ chức quốc tế tại Đài Loan và nhân viên của họ khi tuyển dụng người nước ngoài làm việc phải xin phép Bộ Ngoại giao; các quy định liên quan do Bộ Ngoại giao phối hợp cơ quan quản lý trung ương định ra.

Điều 50

Người sử dụng lao động tuyển dụng các học sinh/sinh viên sau đây làm việc thì không bị giới hạn bởi quy định tại khoản 1 Điều 46; thời gian làm việc tối đa là 20 giờ mỗi tuần, trừ kỳ nghỉ đông và nghỉ hè:

1. Du học sinh nước ngoài đang học tại các trường đại học/cao đẳng công lập hoặc tư lập đã đăng ký.
2. Học sinh Ki ề u bào và học sinh gốc Hoa khác đang học tại các trường từ trung học trở lên thuộc công lập hoặc tư lập đã đăng ký.

Điều 51

1. Người sử dụng lao động tuyển dụng những người nước ngoài sau đây làm việc thì không bị giới hạn bởi các quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 46, Điều 47, Điều 52, khoản 3, khoản 4 Điều 53, điểm 5 Điều 57, điểm 4 Điều 72 và Điều 74, đồng thời được miễn nộp phí an định việc làm theo Điều 55:
 - Người tị nạn đã được phép cư trú.
 - Người nước ngoài được phép cư trú liên tục và làm việc liên tục tại Trung Hoa Dân Quốc đủ 5 năm, có nhân phẩm tốt và có nơi ở cố định.
 - Người được phép sống chung với người có quan hệ huyết thống trực hệ có đăng ký hộ khẩu tại Trung Hoa Dân Quốc.
 - Người đã lấy được quy ề n thường trú (vĩnh trú).

2. Người nước ngoài thuộc điểm 1, điểm 3 và điểm 4 khoản trên có thể trực tiếp nộp đơn xin cấp phép lên cơ quan quản lý trung ương mà không cần qua người sử dụng lao động.
3. Để thực hiện các hợp đồng nhận thầu, mua bán, hợp tác kỹ thuật..., pháp nhân nước ngoài cần cử người nước ngoài vào Trung Hoa Dân Quốc làm các công việc thuộc phạm vi hợp đồng quy định tại điểm 1 hoặc điểm 2 khoản 1 Điều 46, nếu chưa thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Đài Loan, thì cơ quan doanh nghiệp ký hợp đồng hoặc đại lý được ủy quyền phải xin cấp phép theo quy định lệnh ban hành tại khoản 2 và 3 Điều 48.

Điều 52

1. Tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc từ điểm 1 đến điểm 7 và điểm 11 khoản 1 Điều 46, thời hạn cấp phép tối đa là 3 năm, khi hết hạn nếu có nhu cầu tiếp tục tuyển dụng thì người sử dụng lao động có thể xin gia hạn.
2. Tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc từ điểm 8 đến điểm 10 khoản 1 Điều 46, thời hạn cấp phép tối đa là 3 năm. Trường hợp có tình tiết đặc biệt nghiêm trọng/quan trọng, người sử dụng lao động có thể xin gia hạn, tình tiết và thời hạn cụ thể do Viện Hành chính quy định bằng mệnh lệnh. Tuy nhiên, với công trình trọng điểm thì thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng.
3. Tổng số lượng người nước ngoài được đưa vào hàng năm nêu tại khoản trên sẽ do cơ quan quản lý trung ương mời đại diện cơ quan liên quan, người lao động, người sử dụng lao động, học giả thương lượng dựa trên chỉ số cảnh báo tuyển dụng lao động nước ngoài.

4. Người lao động nước ngoài trong thời hạn cấp phép không vi phạm pháp luật mà do chấm dứt quan hệ lao động, hết hạn phép xuất cảnh hoặc do khám sức khỏe không đạt phải về nước đi điều trị sau đó khám lại đạt tiêu chuẩn, thì được phép nhập cảnh lại làm việc. Tuy nhiên, người nước ngoài làm công việc từ điểm 8 đến điểm 10 khoản 1 Điều 46 có tổng thời gian làm việc tích lũy tại Trung Hoa Dân Quốc không được vượt quá 12 năm, và không áp dụng quy định tại điểm 2 khoản 1 Điều trước.
5. Người nước ngoài quy định tại đoạn nghỉ khoản trên trong thời gian được cấp phép làm việc có thể xin nghỉ phép về nước, người sử dụng lao động phải đồng ý; phương thức, số ngày, thủ tục nghỉ phép do cơ quan quản lý trung ương định ra.
6. Người nước ngoài làm công việc khẩn cấp công gia đình tại điểm 9 khoản 1 Điều 46, qua đào tạo chuyên môn hoặc tự học mà có thể hiện xuất sắc, đạt điều kiện tư cách do cơ quan quản lý trung ương quy định, thì tổng thời gian làm việc tích lũy tại Trung Hoa Dân Quốc không được vượt quá 14 năm.
7. Tiêu chuẩn điều kiện, phương thức xác nhận và các quy định liên quan cho khoản trên do cơ quan quản lý trung ương phối hợp cơ quan chuyên ngành định ra.

Điều 53

1. Người lao động nước ngoài trong thời hạn giấy phép còn hiệu lực, nếu cần chuyển chủ hoặc làm việc cho từ 2 người sử dụng lao động trở lên, thì người sử dụng lao động mới phải nộp đơn xin cấp phép. Khi xin chuyển chủ, người sử dụng lao động mới phải nộp kèm giấy chứng nhận nghỉ việc của người lao động đó.

2. Người nước ngoài quy định tại điểm 1, điểm 3 và điểm 4 khoản 1 Điều 51 đã được cơ quan quản lý trung ương cấp phép thì không áp dụng quy định tại khoản trên.
3. Người lao động làm công việc từ điểm 1 đến điểm 7 khoản 1 Điều 46 khi chuyển chủ hoặc chuyển việc không được chuyển sang làm công việc thuộc điểm 8 đến điểm 11 cùng khoản.
4. Người lao động làm công việc từ điểm 8 đến điểm 11 khoản 1 Điều 46 không được tự ý chuyển chủ hoặc chuyển công việc. Tuy nhiên, trường hợp có các tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 59 và được cơ quan quản lý trung ương chấp thuận thì không thuộc giới hạn này.
5. Người lao động nước ngoài được phép chuyển chủ hoặc chuyển việc theo khoản trên thì thời gian làm việc sẽ được tính cộng dồn và bị hạn chế bởi quy định tại Điều 52.

Điều 54

1. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc từ điểm 8 đến điểm 11 khoản 1 Điều 46 nếu có một trong các tình tiết sau, cơ quan quản lý trung ương sẽ không cấp phép tuyển dụng (chiêu mộ), phép làm việc hoặc gia hạn phép (một phần hoặc toàn bộ); trường hợp đã cấp phép tuyển dụng thì có thể tạm dừng việc đưa người vào:
 1. Tại nơi dự kiến làm việc của người nước ngoài đang xảy ra đình công hoặc tranh chấp lao động theo Điều 10.
 2. Khi tuyển dụng trong nước, không có lý do chính đáng mà từ chối tuyển dụng người do cơ quan dịch vụ việc làm công lập giới thiệu hoặc người tự đến xin việc.
 3. Số lượng hoặc tỷ lệ lao động nước ngoài tuyển dụng bị mất liên lạc (bỏ trốn) hoặc cầm giữ người bỏ trốn đạt mức quy định.
 4. Từng sử dụng lao động nước ngoài trái phép.

5. Từng sa thải trái phép lao động trong nước.
 6. Do tuyển dụng lao động nước ngoài mà hạ thấp điều kiện lao động của lao động trong nước, đã được cơ quan quản lý địa phương xác minh là đúng sự thật.
 7. Lao động nước ngoài được tuyển dụng làm mất an ninh trật tự cộng đồng, đã bị xử phạt theo Luật Duy trì Trật tự Xã hội.
 8. Từng giữ hoặc chiếm đoạt trái phép hộ chiếu, thẻ cư trú hoặc tài sản của lao động nước ngoài.
 9. Không chịu nộp đúng hạn các chi phí đi lại và chi phí tạm giữ cần thiết khi lao động nước ngoài bị trục xuất về nước sau khi đã bị nhắc nhở.
 10. Khi ủy thác tuyển dụng người nước ngoài có hành vi yêu cầu, hứa hẹn hoặc nhận lợi ích bất chính từ cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân.
 11. Cung cấp thông tin sai sự thật hoặc hiệu lực khi làm thủ tục xin phép, tuyển dụng, đưa vào hoặc quản lý người nước ngoài.
 12. Đăng quảng cáo tuyển dụng sai sự thật.
 13. Không đúng quy định xin phép, được yêu cầu bổ sung giấy tờ trong thời hạn nhưng quá hạn không bổ sung.
 14. Vi phạm Luật này hoặc các mệnh lệnh ban hành theo khoản 2, khoản 3 Điều 48, Điều 49.
 15. Vi phạm Luật An toàn Vệ sinh Lao động dẫn đến lao động nước ngoài tử vong, mất một phần hoặc toàn bộ khả năng lao động mà không bồi thường hoặc đền bù theo luật.
 16. Các vi phạm nghiêm trọng khác đối với pháp luật bảo vệ người lao động.
2. Các tình tiết tại điểm 3 dẫn điểm 16 khoản trên chỉ tính trong vòng 2 năm trước ngày nộp đơn xin phép.
 3. Số lượng người và tỷ lệ quy định tại điểm 3 khoản 1 do cơ quan quản lý trung ương công bố.

Điều 55

1. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc từ điểm 8 đến điểm 10 khoản 1 Điều 46 phải nộp Phí an định việc làm vào tài khoản chuyên dụng Quỹ An định Việc làm do cơ quan quản lý trung ương thiết lập, dùng vào việc tăng cường thúc đẩy việc làm cho công dân, nâng cao phúc lợi lao động và xử lý các công việc quản lý tuyển dụng người nước ngoài.
2. Mức Phí an định việc làm do cơ quan quản lý trung ương xem xét phát triển kinh tế quốc gia, cung cầu lao động, điều kiện lao động liên quan và phối hợp với các cơ quan liên quan định ra theo từng ngành nghề và tính chất công việc.

3. Người sử dụng lao động hoặc người được chăm sóc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Luật Trợ giúp Xã hội, người nhận trợ cấp sinh hoạt theo Luật Bảo vệ Quyền lợi Người Khuyết tật, hoặc nhận trợ cấp sinh hoạt hộ cận nghèo theo Luật Phúc lợi Người cao tuổi, khi tuyển dụng người nước ngoài làm khán hộ công gia đình theo điểm 9 khoản 1 Điều 46 sẽ được miễn nộp Phí an định việc làm.
4. Trường hợp người lao động nước ngoài tự ý bỏ việc (tự ý nghỉ làm) liên tục 3 ngày mất liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ lao động, sau khi người sử dụng lao động thông báo theo quy định và bị thu hồi giấy phép làm việc, thì người sử dụng lao động không phải nộp Phí an định việc làm nữa.
5. Người sử dụng lao động không nộp Phí an định việc làm đúng hạn được gia hạn 30 ngày; quá thời hạn gia hạn vẫn không nộp thì từ ngày tiếp theo ngày hết hạn gia hạn để nộp trước ngày nộp đủ, mỗi ngày quá hạn sẽ tính thêm 0,3% tiền chậm nộp. Tuy nhiên, mức phạt tối đa không vượt quá 30% số tiền Phí an định việc làm chưa nộp.
6. Sau 30 ngày tính tiền chậm nộp mà người sử dụng lao động vẫn không nộp, cơ quan quản lý trung ương sẽ chuyển hồ sơ số tiền phí và tiền chậm nộp chưa nộp sang cơ quan thi hành án cưỡng chế, đồng thời có thể thu hồi một phần hoặc toàn bộ giấy phép làm việc.
7. Cơ quan quản lý phải định kỳ công khai trên mạng tình hình sử dụng quỹ và biên bản các cuộc họp liên quan.

Điều 56

1. Người lao động nước ngoài tự ý bỏ việc liên tục 3 ngày mất liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ lao động, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản nêu rõ các thông tin liên quan tới cơ quan quản lý địa phương, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan cảnh sát trong vòng 3 ngày. Tuy nhiên, trường hợp bỏ việc mất liên lạc, người sử dụng lao động có thể thông báo bằng văn bản cho cơ quan xuất nhập cảnh và cảnh sát để phối hợp kiểm tra.
2. Trường hợp người lao động nước ngoài bị người sử dụng lao động báo cáo sai sự thật là bỏ việc liên tục 3 ngày mất liên lạc, có quy định khi nêu lên cơ quan quản lý địa phương. Sau khi kiểm tra xác minh đúng là báo cáo sai, cơ quan quản lý trung ương phải thu hồi quy định hành chính thu hồi giấy phép làm việc và lệnh xuất cảnh trước đó.

Điều 57

Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài không được có các hành vi sau:

1. Tuyển dụng người nước ngoài chưa được cấp phép, giấy phép đã hết hiệu lực hoặc do người khác xin phép tuyển dụng.
2. Dùng danh nghĩa cá nhân tuyển dụng người nước ngoài để làm việc cho người khác.
3. Giao cho người nước ngoài làm công việc ngoài phạm vi được cấp phép.
4. Chưa được phép mà tự ý giao cho người nước ngoài (làm việc theo điểm 8-10 khoản 1 Điều 46) thay đổi địa điểm làm việc.
5. Không sắp xếp cho người lao động nước ngoài khám sức khỏe theo quy định hoặc không gửi kết quả khám sức khỏe cho cơ quan quản lý y tế theo quy định.
6. Do tuyển dụng người nước ngoài mà dẫn đến việc sa thải hoặc cho thôi việc lao động trong nước.
7. Dùng vũ lực, đe dọa hoặc các phương pháp bất hợp pháp khác cưỡng bức người lao động nước ngoài làm việc.
8. Giữ hoặc chiếm đoạt trái phép hộ chiếu, thẻ cư trú hoặc tài sản của người lao động nước ngoài.
9. Các hành vi vi phạm khác đối với Luật này hoặc các lệnh ban hành theo Luật này.

Điều 58

1. Trong thời hạn giấy phép còn hiệu lực, nếu người lao động nước ngoài về nước, tử vong hoặc mất liên lạc do nguyên nhân không thuộc lỗi của người sử dụng lao động, và sau 3 tháng kể từ khi thông báo cho cơ quan xuất nhập cảnh và cảnh sát vẫn chưa tìm thấy, người sử dụng lao động có thể nộp đơn xin bổ sung (thay thế) người mới lên cơ quan quản lý trung ương.
2. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm khán hộ công gia đình theo điểm 9 khoản 1 Điều 46, do nguyên nhân không thuộc lỗi của mình mà thuộc một trong các trường hợp sau, cũng được xin bổ sung người mới:
 1. Người nước ngoài bị mất liên lạc tại sân bay hoặc đơn vị tạm giữ, đã thông báo cho cơ quan xuất nhập cảnh và cảnh sát theo quy định.
 2. Người nước ngoài bị mất liên lạc tại nơi làm việc của chủ, đã thông báo cho cơ quan xuất nhập cảnh và cảnh sát theo quy định đủ 1 tháng mà vẫn chưa tìm thấy.
 3. Người nước ngoài trong thời hạn giấy phép còn hiệu lực được chủ đồng ý chuyển chủ/chuyển việc, đã được chủ mới tiếp nhận, hoặc đã bị thu hồi phép làm việc quá 1 tháng mà chưa có chủ mới tiếp nhận

3. Thời hạn giấy phép làm việc của người bổ sung tại 2 khoản trên chỉ giới hạn trong thời gian còn lại của giấy phép cũ; nếu thời gian còn lại dưới 6 tháng thì không được xin bổ sung.

Điều 59

1. Người lao động nước ngoài làm các công việc từ điểm 8 đến điểm 11 khoản 1 Điều 46, nếu thuộc một trong các trường hợp sau, sau khi được cơ quan quản lý trung ương chấp thuận thì được phép chuyển chủ hoặc chuyển công việc:
 1. Người sử dụng lao động hoặc người được chăm sóc qua đời hoặc di dân.
 2. Tàu thuyền bị bắt giữ, bị đắm hoặc sửa chữa không thể tiếp tục hoạt động.
 3. Người sử dụng lao động đóng cửa nhà máy, ngưng hoạt động hoặc không trả lương theo hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng lao động.
 4. Lý do khác không thuộc lỗi của người lao động nước ngoài.
2. Quy trình chuyển chủ hoặc chuyển việc nêu tại khoản trên do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Điều 60

1. Người lao động nước ngoài bị cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cưỡng chế trực xuất về nước theo quy định, chi phí vé máy bay/đi lại và chi phí trong thời gian tạm giữ sẽ do các đối tượng sau chịu trách nhiệm theo thứ tự:
 1. Người chứa chấp, tuyển dụng hoặc môi giới trái phép người nước ngoài làm việc.
 2. Người sử dụng lao động có lỗi dẫn đến lý do bị trực xuất.
 3. Bản thân người lao động nước ngoài bị trực xuất.
2. Nếu đối tượng ở điểm 1 khoản trên có nghĩa vụ người thì phải liên đới chịu trách nhiệm.
3. Chi phí tại khoản 1 sẽ do Quỹ An định Việc làm tạm ứng trước, sau khi ứng Quỹ sẽ thông báo cho người có trách nhiệm nộp trong thời hạn; quá hạn không nộp sẽ chuyển thi hành án cưỡng chế.
4. Tiền ký quỹ do người sử dụng lao động đã nộp có thể kèm theo chứng từ nộp tiền xin hoàn trả tại cơ quan quản lý trung ương.

Điều 61

Người lao động nước ngoài tử vong trong thời gian làm việc, người sử dụng lao động phải đại diện xử lý các công việc tang lễ liên quan.

Điều 62

1. Cơ quan quản lý, cơ quan xuất nhập cảnh, cảnh sát, cảnh sát biển hoặc cơ quan tư pháp khác có thể cử nhân viên mang theo giấy tờ chứng minh để đến nơi làm việc của người nước ngoài hoặc nơi nghỉ ngơi có người nước ngoài làm việc trái phép để tiến hành kiểm tra.
2. Đối với cuộc kiểm tra nêu tại khoản trên, người sử dụng lao động, đại diện chủ, người lao động nước ngoài và các bên liên quan không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối.

CHƯƠNG VI: XỬ PHẠT

Điều 63

1. Vi phạm Điều 44 hoặc điểm 1, điểm 2 Điều 57, bị phạt tiền từ 150.000 Tân Đài tệ (NTD) đến 750.000 NTD. Tái phạm trong vòng 5 năm sẽ bị phạt tù dưới 3 năm, tù giam ngắn hạn (câu lưu) hoặc phạt tiền từ 1.200.000 NTD trở xuống, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.
2. Đại diện pháp nhân, đại lý của pháp nhân/cá nhân, người làm thuê hoặc nhân viên khác do thực hiện nghiệp vụ mà vi phạm Điều 44 hoặc điểm 1, điểm 2 Điều 57, thì ngoài việc xử phạt người thực hiện hành vi theo khoản trên, pháp nhân hoặc cá nhân đó cũng bị phạt tiền hoặc phạt kim theo khoản trên.

Điều 64

1. Vi phạm Điều 45 bị phạt tiền từ 100.000 NTD đến 500.000 NTD. Tái phạm trong vòng 5 năm bị phạt tù dưới 1 năm, tù giam ngắn hạn hoặc phạt tiền từ 600.000 NTD trở xuống, hoặc cả hai.
2. Vi phạm Điều 45 nhằm mục đích mưu lợi bị phạt tù dưới 3 năm, tù giam ngắn hạn hoặc phạt tiền từ 1.200.000 NTD trở xuống, hoặc cả hai.
3. Đại diện pháp nhân, đại lý, người làm thuê... do thực hiện nghiệp vụ mà vi phạm Điều 45 thì ngoài việc xử phạt người thực hiện, pháp nhân/cá nhân đó cũng bị phạt tiền tương ứng theo các khoản trên.

Điều 65

1. Vi phạm khoản 1, điểm 1, 4, 5 khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 34; điểm 2, 7 đến 9, 18 khoản 1 Điều 40 bị phạt tiền từ 300.000 NTD đến 1.500.000 NTD.

2. Chưa được phép kinh doanh dịch vụ việc làm mà vi phạm điểm 2, 7 đến 9, 18 khoản 1 Điều 40 thì xử phạt theo khoản trên.
3. Vi phạm khoản 1 Điều 5 đã bị phạt tiền, cơ quan quản lý cấp thành phố/huyện phải công bố họ tên/tên đơn vị, họ tên người chịu trách nhiệm và lệnh cải thiện trong thời hạn; quá hạn không cải thiện sẽ bị phạt theo từng lần vi phạm.

Điều 66

1. Vi phạm điểm 5 khoản 1 Điều 40 sẽ bị phạt tiền gấp từ 10 lần đến 20 lần số tiền/lợi ích bất chính đã đòi hỏi, hứa hẹn hoặc thu vượt quá tiêu chuẩn quy định.
2. Chưa được phép kinh doanh dịch vụ việc làm mà vi phạm điểm 5 khoản 1 Điều 40 thì xử phạt theo khoản trên.

Điều 67

1. Vi phạm điểm 2, 3, 6 khoản 2 Điều 5; Điều 10; khoản 1 Điều 36; Điều 37; Điều 39; điểm 1, 3, 4, 6, 10 đến 17, 19, 20 khoản 1 Điều 40; điểm 5, 8, 9 Điều 57 hoặc khoản 2 Điều 62 bị phạt tiền từ 60.000 NTD đến 300.000 NTD.
2. Chưa được phép kinh doanh dịch vụ việc làm mà vi phạm điểm 1, 3, 4, 6, 10 khoản 1 Điều 40 bị phạt tiền theo khoản trên.

Điều 68

1. Vi phạm Điều 9; khoản 1 Điều 33; Điều 41; Điều 43; khoản 1 Điều 56; điểm 3, 4 Điều 57 hoặc Điều 61 bị phạt tiền từ 30.000 NTD đến 150.000 NTD.
2. Vi phạm điểm 6 Điều 57 bị phạt tiền từ 20.000 NTD đến 100.000 NTD tính trên mỗi người lao động bị sa thải hoặc cho nghỉ việc.
3. Người nước ngoài vi phạm Điều 43 phải bị lệnh xuất cảnh ngay và không được làm việc tại Trung Hoa Dân Quốc nữa.
4. Người nước ngoài vi phạm Điều 43 hoặc thuộc trường hợp tại khoản 1, 2 Điều 74 bị lệnh xuất cảnh trong thời hạn, quá hạn không xuất cảnh thì cơ quan xuất nhập cảnh có thể cưỡng chế trực xuất, và có thể tạm giữ trước khi xuất cảnh.

Điều 69

Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân thuộc một trong các trường hợp sau sẽ bị cơ quan quản lý phạt đình chỉ kinh doanh dưới 1 năm:

1. Vi phạm điểm 4 đến 6, điểm 8 khoản 1 Điều 40 hoặc Điều 45.
2. Cùng một hành vi vi phạm bị phạt từ 3 lần mà vẫn không cải thiện.
3. Trong vòng 1 năm bị xử phạt từ 4 lần trở lên.

Điều 70

1. Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân có một trong các trường hợp sau có thể bị thu hồi giấy phép thành lập:
 - Vi phạm Điều 38; điểm 2, 7, 9, 14, 18 khoản 1 Điều 40.
 - Trong vòng 1 năm bị phạt đình chỉ kinh doanh từ 2 lần trở lên.
2. Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân bị thu hồi giấy phép, người chịu trách nhiệm hoặc đại diện của cơ quan đó nộp đơn xin thành lập lại trong vòng 5 năm sẽ không được cơ quan quản lý thụ lý.

Điều 71

Nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm vi phạm Điều 37 có thể bị cơ quan quản lý trung ương thu hồi chứng chỉ nhân viên chuyên môn.

Điều 72

Người sử dụng lao động có một trong các trường hợp sau sẽ bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ giấy phép tuyển dụng (chiêu mộ) và giấy phép làm việc:

1. Có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 54.
2. Có một trong các trường hợp quy định tại điểm 1, 2, 6 đến 9 Điều 57.
3. Có tình tiết tại điểm 3, 4 Điều 57, đã được yêu cầu sửa đổi trong thời hạn nhưng quá hạn không sửa đổi.
4. Có tình tiết tại điểm 5 Điều 57, đã được cơ quan y tế thông báo xử lý nhưng vẫn không thực hiện.
5. Vi phạm Điều 60.

Điều 73

Người lao động nước ngoài do người sử dụng lao động tuyển dụng có một trong các trường hợp sau sẽ bị thu hồi giấy phép làm việc:

1. Làm việc cho người sử dụng lao động khác ngoài giấy phép.
2. Tự ý làm công việc ngoài phạm vi phép mà không theo sự chỉ định của chủ.
3. Tự ý bỏ việc liên tục 3 ngày mất liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ lao động.

4. Từ chối kiểm tra sức khỏe, cung cấp mẫu xét nghiệm giả, kiểm tra không đạt, tình trạng thể chất/tinh thần không đảm đương được công việc, hoặc mắc bệnh truyền nhiễm do cơ quan y tế trung ương chỉ định.
5. Vi phạm nghiêm trọng các mệnh lệnh ban hành theo khoản 2, 3 Điều 48 hoặc Điều 49.
6. Vi phạm nghiêm trọng các quy định pháp luật khác của Trung Hoa Dân Quốc.
7. Từ chối cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai sự thật khi được yêu cầu cung cấp theo quy định.

Điều 74

1. Người lao động nước ngoài hết hạn phép làm việc hoặc bị thu hồi phép làm việc theo Điều trước, trừ trường hợp Luật này có quy định khác, phải bị lệnh xuất cảnh ngay và không được làm việc tại Trung Hoa Dân Quốc nữa.
2. Người lao động nước ngoài tự ý bỏ việc liên tục 3 ngày mất liên lạc, trước khi thu hồi phép làm việc, cơ quan xuất nhập cảnh có thể lệnh xuất cảnh ngay.
3. Các trường hợp sau không áp dụng quy định xuất cảnh ngay tại khoản 1:
 - Du học sinh, kỳ hạn bảo, học sinh gốc Hoa làm việc theo Luật này khi hết hạn phép hoặc thuộc trường hợp điểm 1 đến 5 Điều trước.
 - Người lao động nước ngoài trong thời gian làm việc không kiểm tra sức khỏe định kỳ hoặc không đạt, được cơ quan y tế đồng ý cho kiểm tra lại và kết quả kiểm tra lại đạt tiêu chuẩn.

Điều 75

Các khoản phạt tiền quy định trong Luật này do cơ quan quản lý cấp thành phố trực thuộc trung ương và huyện (thành phố) ra quyết định xử phạt.

Điều 76

Các khoản phạt tiền theo Luật này nếu bị yêu cầu nộp trong thời hạn mà quá hạn không nộp sẽ bị chuyển sang cơ quan thi hành án cưỡng chế.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU U KHỎAN PHỤ

Điều 77

Trước khi Luật này sửa đổi có hiệu lực, người nước ngoài đã nộp đơn và được cấp phép làm việc tại Trung Hoa Dân Quốc theo pháp luật liên quan, sau khi Luật này sửa đổi có hiệu lực mà thời hạn làm việc cũ chưa hết, thì trước khi hết hạn không cần xin phép lại theo quy định của Luật này.

Đi ề u 78

1. Thân nhân của nhân viên Đại sứ quán, Lãnh sự quán, cơ quan nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Đài Loan hoặc người nước ngoài khác do Bộ Ngoại giao tổng hợp báo cáo chuyên án lên cơ quan quản lý trung ương, nếu có nhu cầu làm việc tại Trung Hoa Dân Quốc thì do người nước ngoài đó nộp đơn xin phép lên Bộ Ngoại giao.
2. Người nước ngoài làm việc tại Trung Hoa Dân Quốc theo khoản trên không áp dụng các quy định từ Điều 46 đến Điều 48, Điều 50, Điều 52 đến Điều 56, Điều 58 đến Điều 61 và Điều 74.
3. Quy định về cấp phép, thu hồi phép và các điều kiện cần tuân thủ khác đối với khoản 1 do Bộ Ngoại giao phối hợp cơ quan quản lý trung ương định ra.

Đi ề u 79

Người không quốc tịch, công dân Trung Hoa Dân Quốc đồng thời có quốc tịch nước ngoài nhưng chưa đăng ký hộ khẩu trong nước, khi được tuyển dụng làm việc sẽ thực hiện theo các quy định về người nước ngoài của Luật này.

Đi ề u 80

Người dân khu vực Đại Lục được tuyển dụng làm việc tại khu vực Đài Loan, việc tuyển dụng và quản lý áp dụng tương tự các quy định liên quan tại Chương V, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đi ề u 81

Khi thụ lý đơn xin cấp phép và cấp giấy chứng nhận theo quy định Luật này, cơ quan quản lý sẽ thu phí thẩm định và phí chứng 照; mức phí do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Đi ề u 82

Điều lệ thi hành Luật này do cơ quan quản lý trung ương định ra.

Đi ề u 83

Luật này có hiệu lực kể từ ngày công bố; trừ các quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 48 sửa đổi công bố ngày 21 tháng 1 năm Dân Quốc 91 do Viện Hành chính quy định ngày thực thi bằng mệnh lệnh, và các điều khoản sửa đổi ngày 5 tháng 5 năm Dân Quốc 95 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm Dân Quốc 95.